

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Xinh và ông Nông Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Mạc Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐ-HPTST ngày 21/5/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lục Thị T - sinh năm 1989. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

*** Bị đơn:** Anh Long Văn L – sinh năm 1987. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng Nguyên đơn (chị Lục Thị T) trình bày:**

Về tình cảm: Chị T và anh Long Văn L kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì chị T đi làm công nhân còn anh L ở nhà một thời gian cũng đi làm công nhân nhưng không chung sống và làm việc cùng nhau, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không tìm được tiếng nói chung dẫn đến chị T và anh L sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay không còn ai quan tâm đến nhau. Nay tình cảm không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung, các khoản nợ chung: Không có.

** Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng Bị đơn (anh Long Văn L) trình bày:*

Việc kết hôn đúng như chị T trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu anh L và chị T sống rất tình cảm và hạnh phúc. Đầu năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, hiện nay anh L và chị T đều đi làm công nhân tại tỉnh Thái Nguyên nhưng do không làm việc cùng một chỗ nên không chung sống cùng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L là do anh L có lời nói không suy nghĩ trước sau với chị T nên khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hiện nay, anh L vẫn còn tình cảm và còn yêu thương chị T nên mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ. Anh L không nhất trí ly hôn với chị Lục Thị T.

Về con chung, tài sản chung, các khoản nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/5/2024 nguyên đơn chị Lục Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt với anh L. Anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị T. Cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Cho chị Lục Thị T được ly hôn với anh Long Văn L.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ngày 02/01/2024 Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và tiến hành

mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Do các đương sự không tự thỏa thuận được hết các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày, đơn đề nghị của nguyên đơn và bị đơn; đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa và kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân có đủ căn cứ xác định: Chị Lục Thị T và anh Long Văn L có hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 22/02/2021 tại Giấy kết hôn số 02. Trong quá trình chung sống chị T và anh L có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị T và anh L đều cùng đi làm công nhân tại tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên trong thời gian làm việc tại Thái Nguyên cả hai vợ chồng đều không chung sống và làm việc cùng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L là do anh L có lời nói không suy nghĩ trước sau với chị T nên khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến đầu năm 2023 chị T và anh L sống ly thân đến nay không còn ai quan tâm đến nhau.

Điều 56. Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại biên bản xác minh ngày 17/4/2024, bà Trương Thị Th (mẹ đẻ anh L) cung cấp: Sau khi kết hôn chị T đi làm công nhân, anh L ở nhà. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2022 thì thấy chị T thái độ với chồng và mẹ chồng đã thay đổi không còn quan tâm như trước. Vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ to tiếng nhưng chưa đến mức trầm trọng đến mức bạo lực gia đình hay thôn bản can thiệp, hòa giải. Chị T và anh L đang sống ly thân chị T không liên lạc với bà Th cũng đã lâu không về thăm nhà.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L phát sinh từ cuối năm 2022, đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ khi sống ly thân không còn ai quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm cho hai bên trở về đoàn tụ gia đình nhưng chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nên việc đoàn tụ gia đình, kéo dài hôn nhân là không có hạnh phúc. Còn anh L cho rằng vẫn còn tình cảm và yêu thương chị T mong chị T suy nghĩ lại để Vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên anh L cũng thừa nhận từ khi đi

làm công nhân vợ chồng không chung sống và làm việc cùng nhau và đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay không còn ai quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh không còn, anh L không muốn ly hôn nhưng không tham gia phiên tòa chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh L không có hạnh phúc, tình cảm, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh L là có căn cứ cần được xem xét, chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị Lục Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lục Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị T được ly hôn với anh Long Văn L.

2. Về án phí: Chị Lục Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0003262 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn; chị Lục Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hiển Công Hanh